

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh các báo cáo tài chính	11 - 38

67-
NHÀ
TY
A T
Đ
HỒ C
TP.V

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302366480 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 14 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính tại số 181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có hai chi nhánh đặt tại số 24A1 Khu dân cư 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và Lô 10 Khu dân cư Đầu tuyến Đồng Đa - Lê Lợi - Trần Quý Cáp, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Công ty có các hiệu thuốc sau:

- Hiệu thuốc số 6 đặt tại số 65 Thuận Kiều, phường 12, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 7 đặt tại số 90 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 4 đặt tại số 68 Cách Mạng Tháng Tám, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 1 đặt tại gian E3, số 134/1 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu; xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn thuốc; kinh doanh xuất nhập khẩu trang thiết bị, vật tư y tế; bán lẻ thuốc; dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc; mua bán vắc-xin, sinh phẩm, hóa chất dùng trong phòng thí nghiệm và nghiên cứu khoa học; mua bán thiết bị ngành y tế; cho thuê kho bãi, văn phòng, mặt bằng; mua bán kính đeo mắt.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Quê

Ông Cáp Hữu Ánh

Ông Trịnh Đào Cung

Bà Phạm Tố Hà

Chủ tịch

Phó chủ tịch

Thành viên

Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Đào Cung

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hải Hà

Giám đốc Tài chính

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Quang Vinh

Trưởng ban

Ông Dư Quốc Đông

Thành viên

Ông Lê Văn Thiện

Thành viên

3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Sự kiện phát sinh sau niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán BDO được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Ông LÊ VĂN QUÊ

Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013

Như đề cập tại mục 4.2 của Tuyên bố độc lập tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 trong số dư các khoản phải thu khách hàng gồm 29.574.012.000 đồng và khoản phải thu Công ty Cổ phần Dược phẩm Sài Gòn bằng 16 khoản phải thu phải trả 2012 1010 và số dư này là quá hạn nhưng chưa được lập dự phòng.

Y kiến của Hội đồng quản trị

Theo ý kiến chúng tôi, ngày 25 tháng 03 năm 2013, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh đã xem xét và phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm vào ngày 25 tháng 03 năm 2013, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

NGUYỄN THỊ THUY NGÀ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty TNHH Kiểm toán KẾ TOÁN VIỆT NAM - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013

NGUYỄN THUY NGÀ

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán KẾ TOÁN VIỆT NAM



Tel :+84 8 3911 0033
Fax :+84 8 3911 7439
www.bdo.vn

Indochina Park Tower, 1/F
4 Nguyen Dinh Chieu Street
District 1, Ho Chi Minh City
Vietnam

Số: YTECO/013.12

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

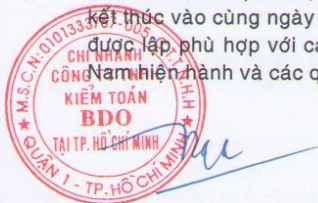
Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Như đề cập tại mục 4.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, trong số dư các khoản phải thu khách hàng bao gồm 28.514.610.382 đồng là khoản phải thu Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ. Đây là khoản phải thu phát sinh từ năm 2009-2010 và đến nay đã quá hạn nhưng chưa được lập dự phòng.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đây đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh, và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ

Giám đốc

Chứng chỉ KTV số 0428/KTV

Công ty TNHH Kiểm toán BDO - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013

NGUYỄN THỦY HOA

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0423/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		530.408.074.680	545.849.911.359
Tiền và tương đương tiền	110	4.1	19.769.443.175	27.459.633.847
Tiền	111		19.769.443.175	24.459.633.847
Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		424.274.091.720	384.536.672.407
Phải thu khách hàng	131	4.2	383.214.145.903	343.642.622.567
Trả trước cho người bán	132	4.3	32.494.258.825	31.641.133.192
Các khoản phải thu khác	135	4.4	10.249.528.242	10.490.813.168
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	4.5	(1.683.841.250)	(1.237.896.520)
Hàng tồn kho	140	4.6	83.909.361.509	130.510.286.810
Hàng tồn kho	141		84.641.475.487	130.707.905.605
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(732.113.978)	(197.618.795)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.455.178.276	3.343.318.295
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	359.035.500	61.322.430
Thuế GTGT được khấu trừ	152		300.200.036	504.147.458
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		8.882.280	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.8	1.787.060.460	2.777.848.407
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.076.490.767	12.057.866.153
Tài sản cố định	220		9.454.173.218	9.705.511.018
Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	7.276.429.938	7.446.149.406
Nguyên giá	222		18.181.436.647	17.171.683.001
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.905.006.709)	(9.725.533.595)
Tài sản cố định vô hình	227	4.10	1.147.201.019	1.367.387.690
Nguyên giá	228		2.941.828.300	2.941.828.300
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.794.627.281)	(1.574.440.610)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.11	1.030.542.261	891.973.922
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.326.000.000	1.326.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.12	1.326.000.000	1.326.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.296.317.549	1.026.355.135
Chi phí trả trước dài hạn	261		4.853.093	120.845.011
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.13	1.177.464.456	793.510.124
Tài sản dài hạn khác	268	4.14	114.000.000	112.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		542.484.565.447	557.907.777.512

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		499.785.045.352	516.989.913.023
Nợ ngắn hạn	310		498.540.140.352	516.748.913.023
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.15	132.511.609.718	112.845.295.842
Phải trả người bán	312	4.16	284.855.854.024	337.281.883.337
Người mua trả tiền trước	313	4.17	65.751.033.007	50.307.428.405
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.18	3.681.979.756	6.156.288.777
Phải trả người lao động	315		2.700.000	-
Chi phí phải trả	316	4.19	4.045.422.363	2.955.549.764
Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.20	7.691.541.484	7.682.984.494
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.21	-	(480.517.596)
Nợ dài hạn	330		1.244.905.000	241.000.000
Phải trả dài hạn khác	333	4.22	241.000.000	241.000.000
Doanh thu chưa thực hiện	338	4.23	1.003.905.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		42.699.520.095	40.917.864.489
Vốn chủ sở hữu	410	4.24	42.699.520.095	40.917.864.489
Vốn góp	411		28.000.000.000	28.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(2.072.193.691)
Quỹ đầu tư phát triển	417		6.675.782.228	6.116.793.854
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.704.722.887	2.305.445.477
Lợi nhuận chưa phân phối	420		5.319.014.980	6.567.818.849
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		542.484.565.447	557.907.777.512

1-006
TÁNH
Y TẾ
TOÁN
HỒ CHÍ MINH
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		17.293.920	17.293.920
2. Ngoại tệ các loại			
USD	4.1	92.495,87	248.255,47
EUR	4.1	534,84	15.626,96



TRỊNH ĐÀO CUNG
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013

NGUYỄN HẢI HÀ
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	415.428.074.529	378.925.558.131
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	806.253.618	2.107.704.274
Doanh thu thuần	10		414.621.820.911	376.817.853.857
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	5.3	361.318.565.511	335.441.955.643
Lợi nhuận gộp	20		53.303.255.400	41.375.898.214
Doanh thu tài chính	21	5.4	8.791.196.711	36.182.778.402
Chi phí tài chính	22	5.5	16.514.173.417	40.796.208.108
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>16.503.623.911</i>	<i>9.082.837.012</i>
Chi phí bán hàng	24	5.6	18.309.778.020	14.516.933.229
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.7	15.652.618.241	13.168.212.802
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.617.882.433	9.077.322.477
Thu nhập khác	31	5.8	1.816.112.881	1.631.617.693
Chi phí khác	32		96.351.133	107.158.513
Lợi nhuận khác	40		1.719.761.748	1.524.459.180
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.337.644.181	10.601.781.657
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	3.814.321.376	3.409.743.579
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52	5.10	(383.954.332)	(793.510.124)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		9.907.277.137	7.985.548.202
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.12	3.538	2.852



TRỊNH ĐÀO CUNG
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013

NGUYỄN HẢI HÀ
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

<u>CHỈ TIÊU</u>	<u>Mã số</u>	<u>Năm 2012 VND</u>	<u>Năm 2011 VND</u>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	13.337.644.181	10.601.781.657
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.485.841.525	1.530.460.287
Các khoản dự phòng	03	1.001.924.723	100.021.688
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	684.420.980	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(224.154.878)	(713.528.441)
Chi phí lãi vay	06	16.503.623.911	9.082.837.012
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	32.789.300.442	20.601.572.203
Tăng các khoản phải thu	09	(39.079.856.890)	(63.064.623.204)
Giảm / (Tăng) hàng tồn kho	10	46.044.945.308	(52.128.240.128)
(Giảm) / Tăng các khoản phải trả	11	(33.231.368.132)	65.622.260.195
(Tăng) / Giảm chi phí trả trước	12	(181.721.152)	326.442.611
Tiền lãi vay đã trả	13	(16.503.623.911)	(9.082.837.012)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.268.151.969)	(2.333.485.137)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.850.444.538)	(2.135.554.976)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(19.280.920.842)	(42.194.465.448)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm hoặc xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.234.962.975)	(132.957.272)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ, TSDH khác	22	3.350.000	5.740.000
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.326.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	221.264.128	707.788.441
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.010.348.847)	(745.428.831)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	366.678.188.883	240.779.721.080
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(346.837.386.192)	(211.857.028.925)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.280.000.000)	(2.520.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	12.560.802.691	26.402.692.155

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

<u>CHỈ TIÊU</u>	<u>Mã số</u>	<u>Năm 2012 VND</u>	<u>Năm 2011 VND</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(7.730.466.998)	(16.537.202.124)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	27.459.633.847	43.987.122.639
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	40.276.326	9.713.332
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	19.769.443.175	27.459.633.847



TRỊNH ĐÀO CUNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN HẢI HÀ
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013

3376
HI NH
IG TY
IEM
BE
TP. HO
- TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302366480 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 14 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu; xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn thuốc; kinh doanh xuất nhập khẩu trang thiết bị, vật tư y tế; bán lẻ thuốc; dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc; mua bán vắc-xin, sinh phẩm, hóa chất dùng trong phòng thí nghiệm và nghiên cứu khoa học; mua bán thiết bị ngành y tế; cho thuê kho bãi, văn phòng, mặt bằng; mua bán kính đeo mắt.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có hai chi nhánh đặt tại số 24A1 Khu dân cư 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và Lô 10 Khu dân cư Đẩu tuyến Đổng Đa - Lê Lợi - Trần Quý Cáp, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Công ty có các hiệu thuốc sau:

- Hiệu thuốc số 6 đặt tại số 65 Thuận Kiều, phường 12, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 7 đặt tại số 90 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 4 đặt tại số 68 Cách Mạng Tháng Tám, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 1 đặt tại gian E3, số 134/1 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số nhân viên của Công ty là 138 người (31/12/2011: 141 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") và được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

1-002
ẢNH
TNP
TOÁN
O
CHÍ MINH
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Mức trích lập dự phòng như sau:

- 50% giá trị đối với hàng hóa có hạn sử dụng trên 6 tháng và dưới 12 tháng;
- 100% giá trị đối với hàng hóa có hạn sử dụng dưới 6 tháng, hàng hóa quá hạn sử dụng và hàng hòa chờ thanh lý hoặc kém phẩm chất.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

3.10 Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
3.11 Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
TSCĐ khác	3 - 10 năm

3.6 Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 8 năm.

3.7 Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

3.8 Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

3.9 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian như sau:

Công cụ dụng cụ	2 năm
Chi phí cải tạo	2 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
Phí đăng ký sử dụng quấy Hiệu thuốc số 1	5 năm
Khác	2 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

3.10 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh.

3.12 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị ước tính các khoản chi phí đã phát sinh và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.13 Công cụ tài chính

(i) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký cược ký quỹ ngắn hạn.

Công nợ tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

(ii) Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là khoản tiền hoặc tài sản do các cổ đông góp cổ phần tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối thể hiện kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TRON)

Thuế TRON bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế TRON được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngay kể từ khi nộp có các khoản thuế TRON lên quan đến các khoản mục được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh. Số chi trả của thuế TRON này cũng được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

3.15 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành giao dịch. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

3.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái...

3.17 Các khoản thanh toán thuế hoạt động

Các khoản thanh toán thuế hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

3.18 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Các mặt hàng thuốc và dịch vụ do Công ty kinh doanh chịu thuế suất 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Thuế TNDN bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế TNDN được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế TNDN liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế TNDN này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

337
HI N
IG T
IEMI
BI
TP. HỒ
- TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

3.20 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, trang thiết bị, vật tư y tế và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các bên sau đây được xem là các bên liên quan:

Các bên liên quan	Địa điểm / Quốc tịch*	Quan hệ
Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn Leningrad	Việt Nam	Công ty liên kết
Ban Tổng Giám đốc	Việt Nam*	Nhân sự chủ chốt

17-00
HÀNH
Y TẾ
TOÁN
Đ
CHÍ MINH
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
<i>Tiền</i>		
Tiền mặt - VND	217.544.747	305.486.828
Tiền gửi ngân hàng	(i) 19.551.898.428	24.154.147.019
	19.769.443.175	24.459.633.847
<i>Các khoản tương đương tiền</i>		
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng - VND	-	3.000.000.000
	-	3.000.000.000

Toàn bộ tài khoản và quyền, quyền sở hữu và lợi ích của Công ty trong tài khoản ngân hàng và mọi số dư trong đó được cầm cố đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem chi tiết ở thuyết minh 4.15)

(i) Số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:

	<i>Ngoại tệ</i>	VND
VND		17.609.678.448
USD	92.495,87	1.927.174.961
EUR	534,84	15.045.019
		19.551.898.428

4.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Phải thu tiền hàng tự doanh	84.647.718.817	69.720.547.703
Phải thu tiền hàng ủy thác nhập khẩu	298.566.427.086	273.922.074.864
	383.214.145.903	343.642.622.567

Khoản phải thu được cầm cố đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 2 và tại Ngân hàng TNHH Quân Đội (xem chi tiết ở thuyết minh 4.15).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, trong số dư các khoản phải thu khách hàng bao gồm 28.514.610.382 đồng là khoản phải thu Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ. Đây là khoản phải thu phát sinh từ năm 2009-2010 và đến nay đã quá hạn. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ cam kết sẽ nỗ lực chuẩn bị phương án trả nợ cho Công ty qua các hình thức hợp tác và tái cơ cấu tài chính. Bên cạnh đó, Công ty cũng có kế hoạch tham gia cổ phần tại Nhà máy sản xuất của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ theo đề nghị tái cơ cấu vốn và tài chính tại đây. Vì vậy, Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản nợ phải thu này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.3 Trả trước cho người bán	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Ứng trước tiền mua hàng hóa tự doanh	22.655.864.664	19.263.677.435
Ứng trước tiền mua hàng hóa ủy thác	9.838.394.161	12.377.455.757
	32.494.258.825	31.641.133.192
4.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Bảo hiểm xã hội	511.460.798	345.828.410
Phải thu lãi vay hỗ trợ khách hàng ủy thác	5.477.331.878	3.044.845.161
Phải thu khoản chi hộ chi phí hủy hàng	1.510.515.151	1.683.068.289
Phải thu chênh lệch tỷ giá thực hiện của các khoản thanh toán hàng ủy thác	-	2.553.203.314
Chi phí chưa được duyệt của các chi nhánh	1.740.874.914	1.572.563.884
Cổ tức của Salenoptic	-	136.847.834
Phải thu khác	1.009.345.501	1.154.456.276
	10.249.528.242	10.490.813.168
4.5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Số dư đầu năm	1.237.896.520	1.019.405.790
Dự phòng trong năm	445.944.730	218.490.730
Số dư cuối năm	1.683.841.250	1.237.896.520
4.6 Hàng tồn kho	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Hàng mua đang đi đường	-	45.998.666.843
Hàng hóa	84.641.475.487	84.588.776.802
Hàng gửi đi bán	-	120.461.960
Cộng giá gốc hàng tồn kho	84.641.475.487	130.707.905.605
Trừ :-		
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(732.113.978)	(197.618.795)
Hàng tồn kho	83.909.361.509	130.510.286.810
<i>Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:</i>	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Số dư đầu năm	197.618.795	316.087.837
Lập / (Hoàn nhập) dự phòng	555.979.993	(118.469.042)
Sử dụng dự phòng	(21.484.810)	-
Số dư cuối năm	732.113.978	197.618.795

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

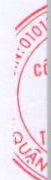
Hàng tồn kho là dược phẩm, dược liệu, hóa chất, y dụng cụ các loại được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (xem chi tiết ở thuyết minh 4.15).

4.7 Chi phí trả trước ngắn hạn

	01/01/2012 (VND)	Tăng trong kỳ (VND)	Kết chuyển vào chi phí sản xuất, kinh doanh (VND)	31/12/2012 (VND)
Chi phí bảo hiểm	61.322.430	-	(61.322.430)	-
Đồng phục	-	256.035.500	-	256.035.500
Chi phí thuê	-	103.000.000	-	103.000.000
	61.322.430	359.035.500	(61.322.430)	359.035.500

4.8 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Tạm ứng	499.697.388	1.363.974.831
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.287.363.072	1.413.873.576
	1.787.060.460	2.777.848.407



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	TSCĐ khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Nguyên giá						
01/01/2012	9.795.951.146	338.321.331	3.944.089.225	2.424.089.299	669.232.000	17.171.683.001
Mua trong năm	-	-	450.909.091	645.485.545	-	1.096.394.636
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(86.640.990)	-	(86.640.990)
31/12/2012	9.795.951.146	338.321.331	4.394.998.316	2.982.933.854	669.232.000	18.181.436.647
Gia trị hao mòn lũy kế						
01/01/2012	5.199.439.953	192.326.426	2.517.617.199	1.515.890.431	300.259.586	9.725.533.595
Chi phí khấu hao	589.110.312	46.000.724	276.480.803	286.210.019	67.852.996	1.265.654.854
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(86.181.740)	-	(86.181.740)
31/12/2012	5.788.550.265	238.327.150	2.794.098.002	1.715.918.710	368.112.582	10.905.006.709
Gia trị còn lại						
01/01/2012	4.596.511.193	145.994.905	1.426.472.026	908.198.868	368.972.414	7.446.149.406
31/12/2012	4.007.400.881	99.994.181	1.600.900.314	1.267.015.144	301.119.418	7.276.429.938

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 602.309.570 VND (31/12/2011: 1.174.931.353 VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 2.764.126.146 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 2.590.799.516 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (VND)	Phần mềm máy tính (VND)	Tổng cộng (VND)
Nguyên giá			
01/01/2012	1.633.223.600	1.308.604.700	2.941.828.300
31/12/2012	1.633.223.600	1.308.604.700	2.941.828.300
Gía trị hao mòn lũy kế			
01/01/2012	1.190.439.434	384.001.176	1.574.440.610
Khấu hao trong năm	65.406.804	154.779.867	220.186.671
31/12/2012	1.255.846.238	538.781.043	1.794.627.281
Gía trị còn lại			
01/01/2012	442.784.166	924.603.524	1.367.387.690
31/12/2012	377.377.362	769.823.657	1.147.201.019

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Kho Thủ Đức	445.341.362	445.341.362
Nhà 76 Sương Nguyệt Ánh	446.632.560	446.632.560
Chi phí tư vấn Oracle EBS	138.568.339	-
	1.030.542.261	891.973.922

Biến động của xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Số dư đầu năm	891.973.922	891.973.922
Tăng trong năm	138.568.339	-
Số dư cuối năm	1.030.542.261	891.973.922

4.12 Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn Leningrad (SALENOPTIC)	1.326.000.000	1.326.000.000
	1.326.000.000	1.326.000.000

Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn Leningrad (SALENOPTIC) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310464650 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 05 tháng 4 năm 2011 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh với vốn điều lệ là 6,63 tỷ đồng. Trong đó, Công ty nắm giữ 132.600 cổ phiếu, tương đương 20% quyền biểu quyết. Hoạt động chính của SALENOPTIC là sản xuất, gia công, lắp ráp các loại kính đeo mắt; cung ứng sỉ và lẻ các loại gọng kính, tròng kính, kính mát, kính tiếp xúc mềm, các sản phẩm liên quan đến kính đeo mắt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.13 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
Chi phí trích trước	1.011.355.591	738.887.441
Dự phòng phải thu khó đòi	166.108.865	54.622.683
	<u>1.177.464.456</u>	<u>793.510.124</u>
	Năm 2012	Năm 2011
	(VND)	(VND)
Số dư đầu năm	793.510.124	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	383.954.332	793.510.124
Số dư cuối năm	<u>1.177.464.456</u>	<u>793.510.124</u>

4.14 Tài sản dài hạn khác

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Tiền đặt cọc thuê văn phòng	114.000.000	112.000.000
	<u>114.000.000</u>	<u>112.000.000</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.15 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)	
Nguyên tệ			Lãi suất
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam USD	-	6.337.935.198	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - CN Sài Gòn USD	-	8.872.728.000	
VND	32.211.721.127	3.090.940.300	15%/năm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - Sở giao dịch 2 EUR	-	1.534.255.683	Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng này và tại các Tổ chức tín dụng khác; toàn bộ các khoản thu, quyền đòi nợ; toàn bộ hàng tồn kho.
USD	-	556.107.600	
Ngân hàng TMCP Quân Đội EUR	-	5.221.233.622	
USD	-	11.172.222.512	
VND	43.833.063.930	20.471.283.025	21%/năm
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam EUR	59.822,74	6.059.276.958	
USD	1.220.240,10	45.730.270.261	
VND	-	3.799.042.683	Tín chấp
Ngân hàng Petrolimex VND	29.430.121.565	-	13,5%/năm
	132.511.609.718	112.845.295.842	

Toàn bộ quyền đòi nợ và các quyền tài sản khác phát sinh từ quyền đòi nợ, bao gồm cả quyền đòi nợ phát sinh trong tương lai đối với Công ty CP Dược phẩm Duy Tân.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.16 Phải trả người bán	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Bên thứ ba		
Phải trả tiền hàng tự doanh	61.772.122.536	129.387.948.416
Phải trả tiền hàng ủy thác nhập khẩu	223.083.731.488	207.893.934.921
	284.855.854.024	337.281.883.337
4.17 Người mua trả tiền trước	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Bên thứ ba		
Ứng trước tiền mua hàng hóa	10.608.544.256	21.231.264.244
Ứng trước tiền hàng ủy thác nhập khẩu	55.142.488.751	29.076.164.161
	65.751.033.007	50.307.428.405
4.18 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	3.152.760.316	3.620.236.536
Thuế nhập khẩu	97.600.113	619.770.077
Thuế thu nhập doanh nghiệp	380.533.699	1.834.364.292
Các loại thuế khác	51.085.628	81.917.872
	3.681.979.756	6.156.288.777
4.19 Chi phí phải trả	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Chi phí hoa hồng	397.295.776	186.463.990
Tiền thưởng	1.486.985.166	-
Điện, nước, điện thoại	44.171.220	106.531.180
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	65.724.750	90.000.000
Chi phí thuê kho	156.712.800	-
Phí marketing	319.389.000	1.000.000.000
Chi phí chờ duyệt chi của các chi nhánh	1.575.143.651	1.572.554.594
	4.045.422.363	2.955.549.764

31/12/2012
CÔNG
KI
TÀI T
AN 1-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.20 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.492.920	1.492.920
Kinh phí công đoàn	47.673.660	493.044
Bảo hiểm y tế	488.961.083	323.926.653
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.841.612.727	4.588.577.390
Cổ tức	498.934.000	498.934.000
Công ty Claris	1.436.945.314	-
Văn phòng đại diện Công ty Dược CCL	681.395.482	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	694.526.298	2.269.560.487
	7.691.541.484	7.682.984.494

4.21 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Số dư đầu năm	(480.517.596)	1.425.606.699
Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm trước	2.412.805.800	-
Ghi nhận vào chi phí năm hiện hành	1.411.146.912	-
Sử dụng quỹ	(3.343.435.116)	(1.906.124.295)
Số dư cuối năm	-	(480.517.596)

4.22 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	241.000.000	241.000.000
	241.000.000	241.000.000

4.23 Doanh thu chưa thực hiện

Đây là khoản thu cho năm 2013 từ hoạt động cho thuê mặt bằng.

3767-
NHÀ
CÔNG TY T
M T O
BDC
P. HỒ CH
TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.24 Vốn chủ sở hữu

Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	2.800.000	28.000.000.000	2.800.000	28.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	2.800.000	28.000.000.000	2.800.000	28.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	<u>2.800.000</u>	<u>28.000.000.000</u>	<u>2.800.000</u>	<u>28.000.000.000</u>
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	2.800.000	28.000.000.000	2.800.000	28.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	<u>2.800.000</u>	<u>28.000.000.000</u>	<u>2.800.000</u>	<u>28.000.000.000</u>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp (VND)	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (VND)	Quý đầu tư phát triển (VND)	Quý dự phòng tài chính (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
Tại ngày 01/01/2011	28.000.000.000	168.375.790	6.116.793.854	2.305.445.477	1.313.701.328	37.904.316.439
Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trước	-	-	-	-	7.985.548.202	7.985.548.202
Tặng khác	-	-	-	-	930.663	930.663
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(212.361.344)	(212.361.344)
Cổ tức	-	-	-	-	(2.520.000.000)	(2.520.000.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	(2.240.569.471)	-	-	-	(2.240.569.471)
Tại ngày 31/12/2011	28.000.000.000	(2.072.193.691)	6.116.793.854	2.305.445.477	6.567.818.849	40.917.864.489
Tại ngày 01/01/2012	28.000.000.000	(2.072.193.691)	6.116.793.854	2.305.445.477	6.567.818.849	40.917.864.489
Kết quả hoạt động kinh doanh năm hiện hành	-	-	-	-	9.907.277.137	9.907.277.137
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	2.072.193.691	-	-	-	2.072.193.691
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(505.009.422)	(505.009.422)
Quý đầu tư phát triển	-	-	558.988.374	-	(558.988.374)	-
Quý dự phòng tài chính	-	-	-	399.277.410	(399.277.410)	-
Quý khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.412.805.800)	(2.412.805.800)
Cổ tức	-	-	-	-	(7.280.000.000)	(7.280.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	28.000.000.000	-	6.675.782.228	2.704.722.887	5.319.014.980	42.699.520.095

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	8.120.000.000	8.120.000.000
Tổ chức trong nước khác	954.000.000	954.000.000
Cá nhân trong nước	18.676.000.000	18.676.000.000
Cá nhân nước ngoài	250.000.000	250.000.000
	28.000.000.000	28.000.000.000

Cổ tức

Theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông của Công ty vào 26 tháng 5 năm 2012 đã quyết định phân phối khoản cổ tức của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 4.480.000.000 VND (1.600 VND / cổ phiếu). Trong đó, cổ tức đã tạm ứng trong năm 2011 là 2,24 tỷ đồng và chi trả trong năm 2012 là 2,24 tỷ đồng.

Cổ tức cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được tạm ứng 5,04 tỷ đồng (1.800 VND/cổ phiếu) và sẽ được đề xuất chính thức trong Đại hội cổ đông của Công ty tổ chức trong năm 2013.

4.25 Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển và Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Doanh thu bán hàng hóa	401.533.442.065	368.112.003.618
Doanh thu phí ủy thác	12.734.228.178	8.125.917.714
Doanh thu cho thuê	1.160.404.286	2.687.636.799
	415.428.074.529	378.925.558.131

5.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Hàng bán bị trả lại	806.253.618	2.107.704.274
	806.253.618	2.107.704.274

5.3 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Giá vốn của hàng hóa	360.479.206.994	335.560.424.685
Giá vốn hàng hóa bị hủy	283.378.524	-
Dự phòng / (Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	555.979.993	(118.469.042)
	361.318.565.511	335.441.955.643

5.4 Doanh thu tài chính

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	221.264.128	570.940.607
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	136.847.834
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.004.763.218	30.782.295.083
Lãi bán hàng trả chậm	4.565.169.365	4.008.273.898
	8.791.196.711	36.182.778.402

5.5 Chi phí tài chính

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Lãi tiền vay	16.503.623.911	9.082.837.012
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	31.700.446.737
Chi phí tài chính khác	10.549.506	12.924.359
	16.514.173.417	40.796.208.108

1767-0
NHÂN
TY T
M T
DO
HỒ CHÍ
P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

5.6 Chi phí bán hàng

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Chi phí nhân viên	10.625.183.004	7.180.189.522
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	348.555.825	223.438.514
Chi phí khấu hao TSCĐ	889.265.798	1.006.809.744
Chi phí thuê	867.275.722	473.986.591
Chi phí điện, nước, điện thoại	346.255.323	574.089.701
Công tác phí	94.940.631	113.863.166
Chi phí nghiên cứu, phát triển thị trường	771.109.441	1.637.425.353
Phí bảo lãnh dự thầu	416.093.762	239.238.799
Phí giao hàng	727.989.859	1.120.784.826
Hồ sơ thầu	145.848.045	121.274.820
Phí kiểm nghiệm hàng hóa	264.337.630	263.732.104
Chiết khấu	1.032.079.635	296.221.238
Xăng	301.791.042	225.593.475
Khác	1.479.052.303	1.040.285.376
	18.309.778.020	14.516.933.229

5.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	5.998.399.950	4.015.883.602
Chi phí khấu hao TSCĐ	596.575.727	624.189.086
Chi phí dự phòng	445.944.730	218.490.730
Phí ngân hàng	2.684.525.319	3.677.813.140
Công tác phí	240.165.903	80.272.281
Đồng phục	151.796.318	191.666.980
Chi phí bảo hiểm	316.531.890	196.897.671
Chi phí hội họp	135.166.191	151.153.844
Chi phí điện, nước, điện thoại	654.481.595	729.484.101
Chi phí đồ dùng văn phòng	395.016.480	192.457.412
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	346.055.000	121.500.000
Chi phí thuê	583.969.872	640.991.322
Chi phí sửa chữa	229.070.512	195.383.139
Chi phí khác	2.874.918.754	2.132.029.494
	15.652.618.241	13.168.212.802

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

5.8 Thu nhập khác

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản	3.350.000	5.740.000
Thu từ thanh lý hàng hóa	36.980.000	516.856.744
Thu phí lưu kho	67.113.905	160.306.106
Thu phí kiểm nghiệm	10.360.000	129.045.500
Thu phí vận chuyển	118.541.436	66.100.000
Khoản hỗ trợ chi phí tiếp thị	1.372.781.541	-
Thu nhập khác	206.985.999	753.569.343
	1.816.112.881	1.631.617.693

5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

(i) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.743.044.101	3.409.743.579
Chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập năm hiện hành	71.277.275	-
	3.814.321.376	3.409.743.579

(ii) Đối chiếu thuế suất thực tế:

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.337.644.181	10.601.781.657
Thuế suất chung	25%	25%
Thuế tính theo thuế suất chung của Công ty	3.334.411.045	2.650.445.414
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế vĩnh viễn	24.678.724	-
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế tạm thời	383.954.332	793.510.123
Ảnh hưởng của thu nhập không tính thuế	-	(34.211.958)
	3.743.044.101	3.409.743.579
Dự phòng thiếu trong những năm trước	71.277.275	-
	3.814.321.376	3.409.743.579

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

5.10 Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(383.954.332)	(793.510.124)
	<u>(383.954.332)</u>	<u>(793.510.124)</u>

5.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Giá mua hàng hóa	361.318.565.511	335.441.955.643
Chi phí nhân công	16.623.582.954	11.196.073.124
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.485.841.525	1.530.460.287
Chi phí dự phòng	445.944.730	218.490.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.255.831.757	8.158.096.269
Chi phí khác bằng tiền	8.151.195.295	6.582.025.621
	<u>395.280.961.772</u>	<u>363.127.101.674</u>

5.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.907.277.137	7.985.548.202
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
	<u>9.907.277.137</u>	<u>7.985.548.202</u>
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	(Cổ phiếu) 2.800.000	2.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(VND/cổ phiếu) <u>3.538</u>	<u>2.852</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

6 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

6.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	(ii) 19.551.898.428	27.154.147.019
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii) 393.463.674.145	354.133.435.735
	413.015.572.573	381.287.582.754

(ii) Tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng

Tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác thể hiện mức độ rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các tài sản tài chính này.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Công ty tin rằng, ngoài số dự phòng đã lập, Công ty không cần lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

3133
CH
ÔNG
KIẾ
T
TẠI TP:
V I - 1

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Phải thu khách hàng	383.214.145.903	343.642.622.567
Trừ: Dự phòng	(797.297.639)	(351.352.909)
	<u>382.416.848.264</u>	<u>343.291.269.658</u>
Phải thu khác	10.249.528.242	10.490.813.168
Trừ: Dự phòng	(886.543.611)	(886.543.611)
	<u>9.362.984.631</u>	<u>9.604.269.557</u>

6.2 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm như sau:

	Giá trị ghi sổ (VND)	Trong vòng 1 năm (VND)
Phải trả thương mại và phải trả khác	292.547.395.508	292.547.395.508
Vay ngắn hạn	132.511.609.718	132.511.609.718
Chi phí phải trả	4.045.422.363	4.045.422.363
	<u>429.104.427.589</u>	<u>429.104.427.589</u>

6.3 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán (VND) của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Dollar Mỹ (USD) và Euro (EUR).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuận chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	USD	EUR
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.496	535
Phải thu khách hàng	10.726.942	188.051
Nợ tài chính		
Phải trả thương mại	(10.301.927)	(1.235.241)
Vay ngắn hạn	(1.220.240)	(59.823)
Nợ phải trả tiền tệ thuận	(702.729)	(1.106.478)

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
Vay ngắn hạn	(132.511.609.718)	(112.845.295.842)
	<u>(132.511.609.718)</u>	<u>(109.845.295.842)</u>
Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	19.551.898.428	24.154.147.019
	<u>19.551.898.428</u>	<u>24.154.147.019</u>

Công ty phải chịu rủi ro biến động tỷ giá từ các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty chưa có chính sách hạn chế rủi ro tiềm tàng của việc biến động lãi suất.

6.4 Giá trị hợp lý

Công ty không xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính để trình bày theo điều khoản 28 của Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 vì (i) giá niêm yết trên thị trường tập trung không sẵn có đối với tài sản tài chính và khoản nợ phải trả tài chính; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp các chỉ dẫn về đánh giá giá trị hợp lý trong trường hợp niêm yết trên thị trường tập trung chưa sẵn có. Giá trị hợp lý của khoản nợ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

(i) Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập	744.178.497	352.650.692

(ii) Số dư với các bên liên quan: Không có

7.2 Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang thuê đất và nhà làm trụ sở chính, văn phòng cho hai chi nhánh và kho hàng hóa.

Các khoản chi trả tiền thuê được ghi nhận chi phí trong kỳ:	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Tiền thuê tối thiểu	1.451.245.594	1.114.977.913
	1.451.245.594	1.114.977.913

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động nhà làm văn phòng của hai chi nhánh được trình bày như sau:

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Trong vòng 1 năm	289.800.000	-
Trên 1 đến 5 năm	837.711.000	-
	1.127.511.000	-

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Công ty được giao quyền sử dụng đất để làm văn phòng trụ sở chính và nhà kho trong thời gian từ ngày 01 tháng 8 năm 2001 đến ngày 01 tháng 01 năm 2046 (44 năm 5 tháng). Tiền thuê đất ở các lô đất này sẽ do Chi cục thuế quận gửi thông báo vào mỗi năm, cụ thể như sau:

Lô đất	Diện tích (m ²)	Năm 2012	
		Đơn giá thuê đất (VND/m ² /năm)	Chi phí thuê đất (VND/năm)
Văn phòng chính tại số 181 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. HCM	1.463	369.600	540.724.800
Kho 76 Sương Nguyệt Ánh, quận 1, TP. HCM	782	200.400	156.712.800
Kho Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, TP. HCM	8.745	26.400	230.868.000
	10.990		928.305.600

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

7.3 Thông tin khác

Tình hình kinh doanh ủy thác nhập khẩu của Công ty như sau:

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)	Biến động (VND)	%
Số dư hàng hóa nhập khẩu ủy thác tồn đầu năm	37.508.095.874	35.946.031.070	1.562.064.804	4%
Doanh số hàng hóa nhập khẩu ủy thác	622.532.496.362	619.318.848.336	3.213.648.026	1%
Doanh số hàng hóa nhập khẩu ủy thác xuất trả	(628.784.246.494)	(617.756.783.532)	(11.027.462.962)	2%
Số dư hàng hóa nhập khẩu ủy thác tồn cuối năm	31.256.345.742	37.508.095.874	(6.251.750.132)	7%
Doanh thu phí ủy thác	12.734.228.178	8.125.917.714	4.608.310.464	57%
	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)	Biến động (VND)	%
Phải thu tiền hàng ủy thác nhập khẩu	298.566.427.086	273.922.074.864	24.644.352.222	9%
Khách hàng ứng trước tiền hàng	55.142.488.751	29.076.164.161	26.066.324.590	90%
Phải trả tiền hàng ủy thác nhập khẩu	223.083.731.488	207.893.934.921	15.189.796.567	7%
Ứng trước tiền hàng cho nhà cung cấp	9.838.394.161	12.377.455.757	(2.539.061.596)	(21)%
Phải thu lãi vay hỗ trợ khách hàng	5.477.331.878	3.044.845.161	2.432.486.717	80%
Phải thu CLTG của các khoản thanh toán	-	2.553.203.314	(2.553.203.314)	(100)%



TRỊNH ĐÀO CUNG
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013

NGUYỄN HẢI HÀ
Kế toán trưởng